

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 38

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên
Bà Đào Định Phương	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Giám đốc
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Giám đốc

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Thắng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

1/2
R
:R
/1/

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.1 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 61280353/18688688/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp các với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả trị giá 5.111.578.550 ngàn VND, trong đó 2.181.765.292 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2016; đồng thời Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 14.1 và 14.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đang trình bày khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn trị giá 558.959.487 ngàn VND vào ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình chờ nhận được văn bản phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên. Nếu việc tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên không được thực hiện, những vấn đề đã đề cập cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Bên cạnh đó, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 19 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn với trị giá lần lượt 660.967.953 ngàn VND và 3.838.516.875 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.287.347.379	2.794.644.068
110	I. Tiền	4	402.357	572.980
111	1. Tiền		402.357	572.980
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.285.745.033	2.792.656.170
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	62.327.180	22.670.764
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.364.452	567.410
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	19	660.967.953	1.510.757.588
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.562.455.237	1.261.030.197
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(2.369.789)	(2.369.789)
140	III. Hàng tồn kho	7	914.158	1.028.896
141	1. Hàng tồn kho		914.158	1.028.896
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		285.831	386.022
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	100.191
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18.1	285.831	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.427.481.372	10.604.939.441
210	I. Khoản phải thu dài hạn		3.841.871.042	2.703.320.877
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	19	3.838.516.875	2.703.320.877
216	2. Phải thu dài hạn khác	19	3.354.167	-
220	II. Tài sản cố định		39.447.901	45.939.164
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	6.009.514	9.475.958
222	Nguyên giá		22.846.180	25.036.836
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.836.666)	(15.560.878)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	33.438.387	36.463.206
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.758.798)	(11.733.979)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	9.545.844.404	7.855.101.013
251	1. Đầu tư vào công ty con	10.1	9.274.657.310	7.581.925.022
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	10.2	286.004.636	273.175.991
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10.2	(14.817.542)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		318.025	578.387
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		318.025	578.387
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.714.828.751	13.399.583.509

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.776.120.124	5.130.207.338
310	I. Nợ ngắn hạn		2.846.306.866	1.454.911.883
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	22.296.070	62.617.582
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		229.919	1.648.286
314	3. Phải trả người lao động		873.835	1.107.407
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	327.444.403	305.212.779
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	313.697.347	677.680.829
320	6. Vay ngắn hạn	14	2.181.765.292	406.645.000
330	II. Nợ dài hạn		2.929.813.258	3.675.295.455
338	1. Vay dài hạn	14	2.929.813.258	3.675.295.455
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.938.708.627	8.269.376.171
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	9.938.708.627	8.269.376.171
411	1. Vốn cổ phần		7.671.438.950	7.081.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.081.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	2.550.810
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.202.718.867	1.185.386.411
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.185.386.411	27.790.888
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		17.332.456	1.157.595.523
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.714.828.751	13.399.583.509


Nguyễn Thị Hải Yên
Người lập


Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng		39.961.698	9.019.456
11	2. Giá vốn hàng bán		(36.012.861)	(7.228.319)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		3.948.837	1.791.137
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16	318.835.232	931.139.785
22	5. Chi phí tài chính	17	(283.995.681)	(113.088.774)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(266.161.431)	(112.971.858)
25	6. Chi phí bán hàng		(2.152.455)	(1.379.657)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(12.025.057)	(27.517.531)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.610.876	790.944.960
31	9. Thu nhập khác		824.156	1.662.753
32	10. Chi phí khác		(8.102.576)	(3.703.744)
40	11. Lỗ khác		(7.278.420)	(2.040.991)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.332.456	788.903.969
51	13. Thu nhập thuế TNDN hiện hành	18.1	-	186.505
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.332.456	789.090.474

Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		17.332.456	788.903.969
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	4.761.990	4.751.492
03	Dự phòng		14.817.542	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.271.901	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(318.835.232)	(931.139.785)
06	Chi phí lãi vay	17	266.161.431	112.971.858
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(13.489.912)	(24.512.466)
09	Tăng các khoản phải thu		(38.630.639)	(208.500.005)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		114.738	(787.159)
11	Tăng các khoản phải trả		7.242.715	25.298.450
12	Giảm chi phí trả trước		260.362	406.896
14	Tiền lãi vay đã trả		(19.444.210)	(228.142.226)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18.1	-	(1.157.773)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(63.946.946)	(437.394.283)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(300.000.000)	(100.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	19.652.607
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.730.217.525)	(793.304.058)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		371.908	685.363.851
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.029.845.617)	(188.287.600)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	15.1	1.652.000.000	1.797.972.760
33	Tiền thu từ đi vay, mượn		742.391.940	380.757.665
34	Tiền chi trả nợ gốc vay, mượn		(300.770.000)	(1.470.594.184)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(83.091.160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.093.621.940	625.045.081
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(170.623)	(636.802)
60	Tiền đầu kỳ		572.980	1.449.756
70	Tiền cuối kỳ	4	402.357	812.954



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 63 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 99).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười hai (12) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,38
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(6) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	99,99
(7) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	97,77
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	99,99
(9) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(10) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(12) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	99,99
(13) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(14) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(15) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90
(16) Công ty TNHH Một thành viên Nông nghiệp Daun Penh	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	99,90
(17) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,05
(18) Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	69,05
(19) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(20) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(21) Công ty TNHH Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(22) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(23) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả trị giá 5.111.578.550 ngàn VND, trong đó 2.181.765.292 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2016; đồng thời Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 14.1 và 14.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đang trình bày khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn trị giá 558.959.487 ngàn VND vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình chờ nhận được văn bản phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng quá trình tái cơ cấu nợ sẽ tiến triển thuận lợi và vì vậy vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
---	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.15 Bên liên quan

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	279.440	353.026
Tiền gửi ngân hàng	122.917	219.954
TỔNG CỘNG	402.357	572.980

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 19</i>)	40.028.675	19.285.351
Phải thu từ khách hàng khác	22.298.505	3.385.413
- Ông Nguyễn Hùng	11.378.250	-
- Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	5.308.080	-
- Công ty TNHH Một thành viên Thiên Quan	3.162.413	3.385.413
- Khách hàng khác	2.449.762	-
TỔNG CỘNG	62.327.180	22.670.764
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.369.789)	(2.369.789)
GIÁ TRỊ THUẦN	59.957.391	20.300.975

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu lãi cho vay	1.424.093.719	1.204.902.148
Phải thu cổ tức	109.331.400	27.656.400
Thanh toán hộ	26.880.739	24.815.654
Khác	2.149.379	3.655.995
TỔNG CỘNG	1.562.455.237	1.261.030.197
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 19)</i>	1.561.220.372	1.259.743.045
<i>Phải thu từ bên khác</i>	1.234.865	1.287.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Hàng hóa	799.694	945.200
Nguyên vật liệu	72.229	63.901
Công cụ, dụng cụ	42.235	19.795
TỔNG CỘNG	914.158	1.028.896

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND			
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	17.621.446	7.134.116	281.274	25.036.836
Thanh lý	(615.055)	(1.575.601)	-	(2.190.656)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	17.006.391	5.558.515	281.274	22.846.180
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	316.623	-	281.274	597.897
Khấu hao lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	12.436.478	2.847.449	276.951	15.560.878
Khấu hao trong kỳ	1.378.906	353.942	4.323	1.737.171
Thanh lý	(138.387)	(322.996)	-	(461.383)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	13.676.997	2.878.395	281.274	16.836.666
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.184.968	4.286.667	4.323	9.475.958
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	3.329.394	2.680.120	-	6.009.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND
Phần mềm máy tính

Nguyên giá

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 48.197.185

Hao mòn lũy kế

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 11.733.979

Hao mòn trong kỳ 3.024.819

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 14.758.798

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 36.463.206

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 33.438.387

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 10.1)	9.274.657.310	-	7.581.925.022	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 10.2)	286.004.636	(14.817.542)	273.175.991	-
TỔNG CỘNG	9.560.661.946	(14.817.542)	7.855.101.013	-

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngân VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngân VND)
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	100,00	2.080.734.798
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương (I)	Trồng cây công nghiệp	100,00	1.650.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và chăn nuôi bò	99,99	1.375.149.450	99,99	1.375.149.450
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	932.321.141	100,00	909.883.615
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Trồng cây công nghiệp	99,70	798.397.600	99,70	798.397.600
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Trồng cây công nghiệp	69,50	695.695.000	69,50	695.695.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi	99,00	615.584.549	99,00	615.584.549
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	97,77	440.512.398
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Trồng cây công nghiệp và bất động sản	99,53	394.313.155	99,53	394.313.155
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	171.654.457	100,00	171.654.457
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	100,00	100.000.000
TỔNG CỘNG			9.274.657.310		7.581.925.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty đã mua 100% cổ phần của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương, một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0311181334 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011. Hoạt động chính được đăng ký của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác.

10.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	(14.817.542)	47,80	273.175.991	-

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho người bán	9.308.476	62.562.500
- Ông Huỳnh Ngọc Thanh	3.710.000	61.490.000
- Người bán khác	5.598.476	1.072.500
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 19)	12.987.594	55.082
TỔNG CỘNG	22.296.070	62.617.582

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí lãi vay	304.386.210	305.212.779
Khác	23.058.193	-
TỔNG CỘNG	327.444.403	305.212.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay và mượn	307.299.430	671.398.820
Cổ tức phải trả	4.506.440	4.506.440
Phải trả khác	1.891.477	1.775.569
TỔNG CỘNG	313.697.347	677.680.829
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	<i>174.041.715</i>	<i>672.939.276</i>
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>139.655.632</i>	<i>4.741.553</i>

14. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay ngắn hạn	2.181.765.292	406.645.000
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả <i>(Thuyết minh số 14.1)</i>	1.679.089.688	300.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả <i>(Thuyết minh số 14.2)</i>	302.675.604	40.572.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả <i>(Thuyết minh số 14.3)</i>	200.000.000	66.073.000
Vay dài hạn	2.929.813.258	3.675.295.455
Vay dài hạn trái phiếu <i>(Thuyết minh số 14.1)</i>	-	1.700.000.000
Vay dài hạn ngân hàng <i>(Thuyết minh số 14.2)</i>	676.560.302	944.919.102
Vay dài hạn bên liên quan <i>(Thuyết minh số 14.3)</i>	2.253.252.956	1.030.376.353
TỔNG CỘNG	5.111.578.550	4.081.940.455

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	406.645.000	3.675.295.455
Tiền thu từ đi vay	1.650.000.000	-
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	2.141.544.293	(2.141.544.293)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.950.000.000)	-
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(20.910.312)
Phân loại từ gia hạn hợp đồng	(66.073.000)	66.073.000
Phân loại từ khoản phải trả	-	1.356.803.604
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ	(351.001)	(5.904.196)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.181.765.292	2.929.813.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY (tiếp theo)

Hiện nay, Ban Giám đốc đang tiếp tục thương lượng với các chủ nợ chính nhằm tìm giải pháp cho tình hình tài chính của Nhóm Công ty. Nội dung của các buổi thảo luận chính bao gồm việc cơ cấu/hoán đổi gia tăng thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu lên tối thiểu 3 – 15 năm. Cơ cấu, giãn thời gian trả nợ lãi thêm 3 năm, giảm lãi suất cho vay, ứng xử đối với khoản vay mới và việc duy trì hạn mức tín dụng đã cấp cho Nhóm Công ty. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình chờ nhận được văn bản phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

14.1 Trái phiếu

Chi tiết trái phiếu vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Giá trị Ngàn VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital (“ECS”)	1.700.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(20.910.312)</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.679.089.688</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.679.089.688</i>

Trái phiếu thường

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là một tỷ VND) do ECS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,50% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5% một năm.

Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào.

Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 do Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ, phát hành. Giá trị tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu này phụ thuộc vào giá trị thị trường. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng mua bán trái phiếu.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND và 1.400 tỷ VND, và chịu lãi suất 10.50% tới 11.30% một năm trong kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY (tiếp theo)

14.1 Trái phiếu (tiếp theo)

Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBS”) thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu trước hạn với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND. 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND được gia hạn thêm một (1) năm từ ngày 28 tháng 12 năm 2015. Vào ngày 18 tháng 5 năm 2016, Công ty đã mua trước hạn các trái phiếu này.

Khoản tiền lãi bổ sung 255 tỷ VND tương ứng với 17.000 trái phiếu mua lại trước hạn trong năm 2015 (hiện đang được ghi nhận ở tài khoản chi phí phải trả ngắn hạn) được gia hạn thời hạn thanh toán, chậm nhất là ngày 10 tháng 12 năm 2016 và được đảm bảo bằng 92.855.945 cổ phiếu HNG do Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai sở hữu. 92.855.945 cổ phiếu này cũng đã được dùng để thế chấp cho các trái phiếu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai bao gồm trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 530 tỷ VND – Trái phiếu Huỳnh Đệ, trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 350 tỷ VND – Trái phiếu Phú Hoàng Anh và trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

14.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”), Chi nhánh Gia Lai	716.781.301	723.036.497
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”), Chi nhánh Sài Gòn	<u>262.454.605</u>	<u>262.454.605</u>
TỔNG CỘNG	<u>979.235.906</u>	<u>985.491.102</u>
<i>Trong đó :</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	676.560.302	944.919.102
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	302.675.604	40.572.000

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào và Campuchia.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY (tiếp theo)

14.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	Ngàn VND	Nguyên tệ			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	716.781.301	-	32.077.928	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2016: 7%)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của các công ty con
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	40.220.999				
<i>Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)</i>					
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153, ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	-	1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333%/tháng (2016: 11,55%)	16 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	262.454.605				
TỔNG CỘNG	979.235.906				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, tổng giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 100% tổng dư nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cầm cố tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY (tiếp theo)

14.3 Các khoản vay bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ (Thuyết minh số 19)</i>			
Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.356.803.603	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	11,50
Hợp đồng vay số 25-07/2015/HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015	350.000.000	Ngày 25 tháng 7 năm 2020	10,35
Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	200.000.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2017	12,00
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012 – Phụ lục 20082012/HĐV-HAGL-PL1 ngày 20 tháng 8 năm 2015	150.000.000	Ngày 20 tháng 8 năm 2018	11,50 - 16,00
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.953	Ngày 28 tháng 4 năm 2017	14,00 – 17,00
Hợp đồng vay số 02/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	100.000.000	Ngày 6 tháng 1 năm 2018	10,87
Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011 – Phụ lục 02/2011/HĐV-HAGL-PL3 ngày 28 tháng 12 năm 2014	99.278.400	Ngày 28 tháng 12 năm 2017	11,93
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013 – Phụ lục 01/2013/HĐV-HAGL-PL1 ngày 1 tháng 6 năm 2016	66.073.000	Ngày 17 tháng 5 năm 2019	11,50 – 15,00
Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL ngày 9 tháng 12 năm 2014	10.225.000	Ngày 9 tháng 12 năm 2017	12,00
TỔNG CỘNG	<u>2.453.252.956</u>		
<i>Trong đó :</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>2.253.252.956</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>200.000.000</i>		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.990.670.000	1.295.347.000	27.790.888	5.313.807.888
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	798.723.950	999.248.810	-	1.797.972.760
Phát hành cổ phiếu bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần	2.292.045.000	(2.292.045.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	789.090.474	789.090.474
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	7.081.438.950	2.550.810	816.881.362	7.900.871.122
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.081.438.950	2.550.810	1.185.386.411	8.269.376.171
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (i)	590.000.000	1.062.000.000	-	1.652.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	17.332.456	17.332.456
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.671.438.950	1.064.550.810	1.202.718.867	9.938.708.627

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3010/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 10 năm 2015 và các hợp đồng chào bán và chào mua chứng khoán phát hành riêng lẻ số 01/HĐMBCK/2015 và số 02/HĐMBCK/2015 được ký ngày 1 tháng 12 năm 2015, Công ty đã tiến hành chào bán cổ phiếu phổ thông cho Công ty TNHH Đầu tư Cao Su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao Su An Thịnh với số lượng cổ phiếu phát hành lần lượt là 27.500.000 cổ phiếu và 31.500.000 cổ phiếu với giá phát hành là 28.000 VND/cổ phiếu.

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900712753 thay đổi lần thứ 14 ngày 8 tháng 3 năm 2016 với nội dung thay đổi vốn điều lệ từ 7.081.438.950 Ngàn VND lên 7.671.438.950 Ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	708.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>767.143.895</i>	<i>708.143.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	708.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>767.143.895</i>	<i>708.143.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi cho vay	236.788.324	120.982.808
Cổ tức	81.675.000	810.106.596
Khác	371.908	50.381
TỔNG CỘNG	<u>318.835.232</u>	<u>931.139.785</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	266.161.431	112.971.858
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	14.817.542	-
Khác	3.016.708	116.916
TỔNG CỘNG	<u>283.995.681</u>	<u>113.088.774</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lỗ tính thuế:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.332.456	788.903.969
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thu nhập cổ tức	(81.675.000)	(810.106.596)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(2.271.901)	-
Chi phí trích trước	3.247.881	272.940
Chi phí không được khấu trừ	258.951	18.116.129
Phạt hành chính	22.389	-
Lỗ tính thuế điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước	(63.085.224)	(2.813.558)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Lỗ tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành	(63.085.224)	(2.813.558)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(285.831)	1.058.447
Thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(186.505)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(1.157.773)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(285.831)	(285.831)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

18.2 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ chuyển sang từ các kỳ trước do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai như sau:

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 72.769.104 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.683.880 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Ngàn VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016
2015	2020	9.683.880	-	-	9.683.880
2016	2021	63.085.224	-	-	63.085.224
TỔNG CỘNG		72.769.104	-	-	72.769.104

(*) Lỗ tính thuế là lỗ ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay và mượn	742.391.941	380.757.665
		Chi phí lãi vay	105.475.818	53.047.739
		Mua các khoản đầu tư	12.828.645	461.016.248
		Nhận tiền hộ	12.133.333	-
		Trả cổ tức	-	83.091.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	7.108.446	4.846.889
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay Bán hàng hóa	32.333.003 4.725.130	21.562.810 4.672.215
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ Góp vốn Bán hàng hóa	71.817.958 12.813.813 12.690.762 8.212.000	25.646.495 - - -
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	41.512.055	34.084.339
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	44.275.621 26.869.066	33.905.314 -
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Cổ tức	26.086.380 -	22.220.931 810.106.596
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức Bán hàng hóa	81.675.000 2.225.890	- -
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi cho vay Bán hàng hóa	10.300.690 3.402.925	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư và Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay Lãi cho vay	300.000.000 3.354.167	- -
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	4.362.245	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)				
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	13.572.895	8.847.765
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	9.704.731	4.811.498
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	9.155.950	943.950
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	4.400.944	17.589
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	2.753.000	605.847
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	441.155	772.802
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản cố định	-	3.285.900
			40.028.675	19.285.351
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	242.000.000	129.120.002
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	130.000.000	195.783.281
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	120.872.953	336.073.001
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	50.000.000	170.611.131
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	45.000.000	123.358.579
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	40.095.000	427.589.992
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	33.000.000	128.221.602
			660.967.953	1.510.757.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi hộ	2.065.085	2.065.085
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	319.107.786	260.857.696
		Chi hộ	5.446.141	5.446.141
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	322.043.906	280.531.851
		Chi hộ	7.212.880	7.212.880
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	281.942.746	249.609.743
		Cổ tức phải thu	19.507.500	19.507.500
		Chi hộ	6.391.705	6.391.705
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	210.052.795	166.450.808
		Chi hộ	5.406.428	5.406.428
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	211.728.316	185.641.936
		Cổ tức phải thu	8.148.900	8.148.900
		Chi hộ	25.000	25.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	39.457.277	32.348.831
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi cho vay	39.760.893	29.460.203
		Khác	914.514	304.838
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Chi hộ	333.500	333.500
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức phải thu	81.675.000	-
			<u>1.561.220.372</u>	<u>1.259.743.045</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (*)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.442.318.487	1.069.417.133
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	520.449.591	633.329.591
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	451.064.043	385.280.762
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	535.351.401	320.151.353
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	353.611.131	233.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	140.500.617	62.142.038
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	95.221.605	-
			3.838.516.875	2.703.320.877
<i>Phải thu dài hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	3.354.167	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua khoản đầu tư	12.828.645	-
		Mua vật tư	4.389	27.335
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua vật tư	143.252	23.424
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	11.308	4.323
			12.987.594	55.082
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	172.368.922	54.759.771
		Thu hộ	1.451.675	1.457.387
		Mượn tiền	-	615.181.662
Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas	Công ty con gián tiếp	Thu hộ	-	1.319.343
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con gián tiếp	Mượn tiền	150.381	150.381
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con gián tiếp	Khác	70.737	70.732
			174.041.715	672.939.276
Vay dài hạn (Thuyết minh số 14.3)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	<u>2.453.252.956</u>	<u>1.096.449.353</u>

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có khoản cho bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn trị giá lần lượt là 660.967.953 ngàn VND và 3.838.516.875 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng ("Thông tư 121").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

- (*) Ban Giám đốc cam kết sẽ xin phê duyệt các khoản cho vay bên liên quan trên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới và sẽ điều chỉnh các chính sách quản lý về cho vay để phù hợp với các điều khoản liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư 121.

20. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2016